

NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN CẤP BÁCH HIỆN NAY VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

TRẦN NGỌC NGOẠN

Tóm tắt: Quá trình công nghiệp hóa nông thôn ở nước ta đang trở thành xu hướng tất yếu, tạo sự phát triển thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại. Tuy vậy, các hoạt động nông nghiệp, sự phát thải từ các khu công nghiệp, làng nghề, những tác động của biến đổi khí hậu đã làm tình trạng môi trường có tính chất nghiêm trọng ở khu vực nông thôn. Ô nhiễm môi trường đang đe dọa trực tiếp sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đến an ninh môi trường của các thế hệ hiện tại và tương lai. Trên cơ sở nghiên cứu các tư liệu và các chương trình nghiên cứu về môi trường và bảo vệ môi trường nông thôn, bài viết nêu lên 7 vấn đề môi trường nông thôn cấp bách, phân tích nguyên nhân và đề xuất khuyến nghị về các giải pháp tập trung vào một số vấn đề cơ bản hiện nay ở nước ta.

Từ khóa: môi trường, nông thôn, vấn đề cấp bách

CURRENT URGENT RURAL ENVIRONMENTAL ISSUES AND RECOMMENDED SOLUTIONS

Abstract: The process of rural industrialization in our country is becoming an inevitable trend, creating development and promoting the process of building new rural areas in a modern direction. However, agricultural activities, emissions from industrial parks and craft villages, and the impacts of climate change have made the environmental situation more serious in rural areas. Environmental pollution is a direct threat to sustainable socio-economic development and to the environmental security of current and future generations. Based on the study of documents and research programs on the environment and rural environmental protection, the article raises 7 urgent rural environmental issues, analyzes the causes and proposes recommendations focusing on some basic current problems.

Keywords: environment, rural areas, urgent issues

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong gần 40 năm đổi mới toàn diện đất nước, quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trở thành xu hướng tất yếu, đã làm cho đời sống và diện mạo kinh tế - xã hội nông thôn có nhiều thay đổi. Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới sau 15 năm thực hiện đạt được những kết quả khả quan. Cơ cấu kinh tế tại các khu vực nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Quá trình này đã mang lại những lợi ích và sự phát triển vượt bậc cho đời sống xã hội, với khoảng 61,9% dân số đang sinh

sống ở nông thôn (tương đương khoảng 62,1 triệu người, số liệu năm 2023).

Đi cùng với quá trình phát triển kinh tế thì các áp lực lên môi trường nông thôn do rác thải từ các hoạt động sản xuất, dân sinh đang ngày càng rõ nét, đặc biệt là do trồng trọt, chăn nuôi, làng nghề. Tình trạng gia tăng nguồn thải từ các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) không qua xử lý, xả thẳng ra môi trường. Nước thải đã tác động đến hệ động, thực vật thủy sinh, gây thiệt hại đáng kể tới hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở các vùng nông thôn khu vực lân cận khu, cụm công nghiệp.

Bên cạnh đó, những tác động của biến đổi khí hậu như thiên tai lũ lụt và nước biển dâng đang gây ra tình trạng xâm nhập mặn ngày càng gia tăng.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu các tài liệu được công bố trên các tạp chí chính thống, các công trình nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu, các số liệu thống kê, bài viết khái quát những vấn đề môi trường nông thôn cấp bách và đề xuất các khuyến nghị giải pháp nhằm phát triển bền vững nông thôn trong giai đoạn tới.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo được thực hiện dựa trên cơ sở dữ liệu từ các công trình nghiên cứu của tác giả trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc sự nghiệp bảo vệ môi trường (BVMT) từ năm 2010 đến 2020; báo cáo khoa học đề tài nghiên cứu các cấp, các bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín, các thông tin về lĩnh vực nghiên cứu được đăng tải trên các trang web của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT); một số dữ liệu mang tính chất dẫn chứng, minh họa được dẫn lại từ các trang thông tin điện tử chính thức của Chính phủ, Quốc hội, của Tổng cục Thống kê và của một số địa phương...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp. Các công trình nghiên cứu khoa học về môi trường nông thôn được hệ thống hóa, phân tích, so sánh; từ đó phác họa bức tranh tổng thể về những vấn đề môi trường nông thôn hiện nay cũng như các hướng giải pháp chủ yếu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Những vấn đề môi trường nông thôn cấp bách hiện nay ở nước ta

(1) Sự gia tăng chất thải rắn

Mỗi năm khu vực nông thôn phát sinh trên 13 triệu tấn rác thải sinh hoạt (bình quân mỗi ngày mỗi người thải ra môi trường khoảng từ 0,35 - 0,80 kg rác thải), khoảng 1.300 triệu m³ nước thải sinh hoạt, 47 triệu tấn chất thải chăn nuôi và hơn 14 nghìn tấn bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón các loại... Tuy nhiên, theo thống kê chỉ khoảng 50% khối lượng rác thải trên được thu gom, xử lý [18]. Số còn lại chủ yếu là chất thải rắn (CTR) khó xử lý và khó phân hủy được xả ra sông, suối hay núi, đồi, thậm chí dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên xã, liên thôn. Chưa kể, phần lớn lượng rác thải được thu gom, nhưng việc xử lý thông qua phương pháp chôn lấp không đạt tiêu chuẩn về lâu dài sẽ tác động ngược đối với môi trường, nguồn nước, các hệ sinh thái.

CTR công nghiệp phát sinh với khối lượng tương đối lớn từ các cơ sở sản xuất nằm ngoài KCN, CCN, các làng nghề nằm xen kẽ các cộng đồng dân cư. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia của Bộ TN&MT năm 2021 chỉ rõ, cả nước có hơn 4.500 làng nghề, hầu hết các làng nghề đang hoạt động đều có những ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới môi trường. Trong số đó, 03 nhóm làng nghề: tái chế (kim loại, giấy, nhựa...), vật liệu xây dựng và chế biến nông sản, thực phẩm là những nhóm làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Tại làng nghề Mẫn Xá (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), trung bình mỗi ngày lượng CTR phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khoảng hơn 80 tấn, chủ yếu gồm xỉ than, xỉ nhôm và vẫn còn tình trạng người dân đem chất thải đổ ra các cánh đồng, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã [19]. Theo báo cáo BVMT của Bộ NN&PTNT,

tỉ lệ làng nghề có điểm thu gom CTR công nghiệp chỉ đạt 20,9%...[3].

(2) Ô nhiễm nguồn nước

Tình trạng ô nhiễm nước mặt diễn ra rộng khắp các vùng nông thôn, nhiều nơi ao, hồ không thể nuôi cá, tầng nước mặt và nước giếng khơi cũng không thể dùng cho sinh hoạt, nhiều nơi nguồn nước ngầm chứa nhiều thành phần vượt mức cho phép gây hại cho con người. Các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước nông thôn hiện nay có thể kể đến đó là:

- *Lượng nước thải từ các làng nghề* phát sinh ngày càng lớn, theo báo cáo của Bộ NN&PTNT năm 2020, chỉ có 16,1% làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT [3]. Ví dụ; Làng nghề giấy tái chế Phong Khê (Bắc Ninh) hằng ngày thải ra môi trường khoảng 5.000 m³ nước chứa nhiều độc tố có hàm lượng cao gấp hàng chục lần tiêu chuẩn cho phép như chất rắn lơ lửng cao hơn từ 4,5 đến 11 lần, COD cao hơn từ 8 - 500 lần, Pb cao hơn 5,5 lần...[20].

- *Lượng nước thải từ các KCN, CCN*, đặc biệt ở ngành công nghiệp dệt nhuộm, ngành công nghiệp giấy và bột giấy, chế biến lương thực thực phẩm hàm lượng nước thải của các ngành này có chứa xyanua (CN-) vượt đến 84 lần, H₂S vượt 4,2 lần, hàm lượng NH₃ vượt 84 lần tiêu chuẩn cho phép.

- *Lượng nước thải đô thị, nước thải sinh hoạt* không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, muông). Mặt khác, phần lớn các bệnh viện và cơ sở y tế lớn chưa có hệ thống xử lý nước thải là những nguồn quan trọng gây ra ô nhiễm nước và chảy vào các dòng sông làm ô nhiễm các vùng nông thôn ở hạ nguồn.

- *Lượng nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp*, hầu hết nông dân trồng lúa sử dụng lượng phân bón cao hơn mức khuyến cáo. Chi

khoảng 45 - 50% lượng phân bón được sử dụng hiệu quả, số còn lại bị rửa trôi gây ô nhiễm nguồn nước.

(3) Thoái hóa/suy thoái đất và ô nhiễm đất nông nghiệp

Theo số liệu thống kê của bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2011 cả nước có 11,8 triệu ha đất thoái hóa. Trong đó, thoái hóa nhẹ là 6,8 triệu ha; thoái hóa trung bình là 3,8 triệu ha; thoái hóa nặng là 1,8 triệu ha. Tình trạng sa mạc hóa ngày nay lan rộng không chỉ ở vùng khô hạn mà còn lan ra ở vùng mưa và ẩm, do việc sử dụng tài nguyên đất không hợp lý [11].

Một số nguyên nhân chính dẫn đến thoái hóa đất ở các vùng nông thôn nước ta, đó là: chặt phá rừng bừa bãi, đốt nương làm rẫy, hủy hoại môi trường sống, đất không còn khả năng để canh tác bị bỏ hoang. Tình trạng sử dụng thuốc BVTV quá nhiều, lạm dụng phân bón hóa học... dẫn đến dư lượng thuốc BTVT trong đất nhiều làm cho đất bị acid hóa, quần thể vi sinh vật trong đất thay đổi. Nhiều loài vi sinh vật có lợi bị tiêu diệt, hình thành nhiều quần thể có hại cho đất và cây trồng, làm cho đất mất khả năng sản xuất, dẫn đến tình trạng cây trồng kém phát triển, năng suất thấp.

(4) Suy thoái rừng và đa dạng sinh học

Những năm gần đây, diện tích rừng tự nhiên ngày càng suy giảm nhanh, chất lượng rừng suy thoái nặng nề. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2022, tổng diện tích rừng bị thiệt hại ước tính hơn 22.800 ha; trong đó, diện tích rừng bị cháy khoảng 13.700 ha, còn lại do bị chặt phá trái phép; bình quân mỗi năm, Việt Nam mất khoảng 2.500 ha rừng. Mất rừng được coi là một thảm họa quốc gia và hậu quả của việc phá rừng là tình trạng biến đổi khí hậu, lũ lụt, sạt lở, hạn hán, ô nhiễm môi sinh, đói nghèo... Theo Sở NN&PTNT Cà Mau, giai đoạn 2011 - 2020, tỉnh Cà Mau mất khoảng 4.950 ha rừng ven biển [8].

Theo thống kê của ngành Lâm nghiệp, năm 2019 diện tích rừng ngập mặn của Việt Nam còn 256,3 nghìn ha, trong đó diện tích có rừng là 150,1 nghìn ha (gồm: rừng tự nhiên 54,7 nghìn ha, rừng trồng 95,3 nghìn ha), diện tích chưa thành rừng 106,2 nghìn ha [10]. Sự suy giảm trầm trọng diện tích rừng ngập mặn đã kéo theo sự suy giảm đa dạng sinh học biển, đặc biệt mất bãi sinh sản và nơi cư ngụ của các loài thủy sinh.

Hệ sinh thái thảm cỏ biển là một trong những hệ sinh thái biển quan trọng, nhưng hiện nay đang đứng trước nguy cơ bị tổn thương và suy thoái. Trong vòng hơn 20 năm (từ năm 2000 đến năm 2020), Việt Nam đã mất 11% số rạn san hô; 48% số rạn san hô khác đang trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Sự suy giảm diện tích và những tổn thương của nhiều rạn san hô làm suy giảm đa dạng sinh học, sinh thái và chất lượng môi trường biển [11].

Theo Báo cáo Đa dạng sinh học quốc gia năm 2022, có tổng 901 loài bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó có 63 loài thú, 51 loài chim, 75 loài bò sát, 74 loài lưỡng cư, 141 loài cá, 30 loài thân mềm, 159 loài không xương sống khác, 308 loài thực vật.

(5) Tình trạng ô nhiễm biển và nước biển

Việt Nam có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển với tổng dân số khoảng 51 triệu người, trong số đó có 34% là dân đô thị, có 125 huyện ven biển và 12 huyện đảo với tổng dân số khoảng 18 triệu người [14]. Số lượng lớn dân cư sống ở khu vực ven biển đã phát sinh lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) của các huyện ven biển khoảng 4 triệu tấn/năm và phần lớn chưa được thu gom.

Cùng với đó là rác thải tại các khu du lịch ven biển chưa được thu gom xử lý triệt để, tình trạng vứt rác, thức ăn thừa bừa bãi trên biển, biển bãi biển thành nơi chứa rác. Ngoài ra, số lượng lớn chất thải (gồm rác thải và các chất thải khác)

trong vùng nội địa không được thu gom theo các cửa sông trôi ra biển và theo đó, biển trở thành một bể chứa rác khổng lồ.

(6) Biến đổi khí hậu

Các hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện quanh năm, rộng khắp các miền của đất nước [1]. Hiện tượng El-Nino, La-Nina ngày càng tác động mạnh mẽ đến Việt Nam, biểu hiện là các tỉnh khu vực Nam Trung bộ phải đối mặt với tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán nghiêm trọng, nguồn nước bị suy giảm nhanh; nước biển dâng làm mất đất canh tác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)...

Xâm nhập mặn mùa khô năm 2019 - 2020 ở khu vực ĐBSCL ở mức nghiêm trọng, năm 2019 - 2020 đã ảnh hưởng đến 10/13 tỉnh ĐBSCL, ranh giới độ mặn 4 g/l đã làm 42,5% diện tích tự nhiên của toàn vùng bị ảnh hưởng, tương đương 1.688.600 ha, cao hơn năm 2016 là 50.376 ha.

Cà Mau bị ảnh hưởng nặng nhất với 16.500 ha/176.700 ha diện tích gieo trồng trong vụ mùa bị ảnh hưởng, trong đó diện tích bị thiệt hại từ 70% trở lên là 14.000 ha. Đối với vụ đông xuân 2019 - 2020, ở ĐBSCL có sáu tỉnh (Trà Vinh, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Long An, Cà Mau) bị ảnh hưởng của hạn, xâm nhập mặn với tổng diện tích khoảng 41.900 ha, trong đó có 26.000 ha thiệt hại mất trắng, trong đó Trà Vinh thiệt hại nhiều nhất với 14.300 ha [15].

(7) Ô nhiễm không khí

Tình trạng ô nhiễm không khí ở các khu vực làng nghề và vùng lân cận đang trở nên ngày càng trầm trọng tại các vùng nông thôn. Trong đó, 03 nhóm làng nghề: tái chế (kim loại, giấy, nhựa,...), sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông sản, thực phẩm là những nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao. Nguồn thải gây ô nhiễm chủ yếu từ việc sử dụng than làm nhiên liệu, sử dụng hóa chất, phụ gia trong

quá trình sản xuất. Quá trình tái chế và gia công, xử lý bề mặt, phun sơn, đánh bóng bề mặt sản phẩm, nung, sấy, tẩy trắng, khí thải lò rèn... làm phát sinh bụi và các khí thải như SO₂, NO₂, hơi axit và kiềm. Tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm, quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải và CTR gây mùi, phát tán các khí ô nhiễm như SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,... Các làng nghề ươm tơ, dệt, nhuộm vải và thuộc da thường bị ô nhiễm bởi các khí SO₂, NO₂ [3]. Các làng nghề thủ công mỹ nghệ thường bị ô nhiễm nặng bởi khí SO₂ phát sinh từ quá trình xử lý chống mốc cho các sản phẩm.

Ngoài ra, vấn đề ô nhiễm không khí vùng nông thôn còn có thể kể đến như là ô nhiễm không khí do khói cháy rừng. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong 10 năm của giai đoạn 2009 - 2018, nạn cháy rừng đã thiêu hủy gần 22 nghìn ha rừng [21]. Trong năm 2023, cả nước xảy ra 310 vụ cháy rừng, diện tích rừng bị ảnh hưởng hơn 674 ha [5].

Một trong những vấn đề gây ô nhiễm không khí ở nông thôn nữa đó là khói do tình trạng đốt các bãi rác ven các đường giao thông, ven các khu dân cư và cả các bãi rác tập kết của địa phương. Việc đốt rác tự phát sẽ tạo các chất nguy hại như oxit carbon, hydro carbon, benzen, dioxin... Khi đó, nguồn thải từ việc đốt rác sẽ bị lưu cữu trong không khí, len lỏi vào các khu dân cư và tác động trực tiếp đến sức khỏe người dân.

3.2. Các nguyên nhân cơ bản

3.2.1. Sự yếu kém trong công tác quản lý bảo vệ môi trường

Theo Sáng kiến Môi trường cho phát triển Việt Nam (EfD), chỉ số năng lực quản lý môi trường của Việt Nam tại thời điểm năm 2020 là 33.4/100, xếp thứ 141/180 trên thế giới, dù đã có nhiều sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý và phát triển kinh tế theo hướng bền

vững. Trong 11 quốc gia tại khu vực Đông Nam Á, Chỉ số hiệu quả môi trường (Environmental Performance Index - EPI) của Việt Nam chỉ xếp trên duy nhất Myanmar, đạt dưới mức trung bình của khu vực (40.4) [17].

Công tác thu gom CTRSH ở các địa phương chưa thực sự được coi trọng, nhiều thôn, xã chưa có các đơn vị chuyên trách trong việc thu gom CTR sinh hoạt nông thôn. Các địa phương xử lý CTRSH chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp hoặc đổ thải lộ thiên, hoặc đốt bằng lò công suất nhỏ... không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật vệ sinh môi trường. Chưa kiểm soát được chất thải là bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, người nông dân thường xả thải ngay tại bờ ruộng, góc vườn hoặc nguy hiểm hơn, có trường hợp còn vứt xuống ao, hồ, đầu nguồn nước sinh hoạt. Chưa kiểm soát được ô nhiễm môi trường làng nghề, trách nhiệm của các địa phương trong công tác quản lý môi trường làng nghề chưa thực sự cao.

Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý BVMT là các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của công tác BVMT đối với sự nghiệp phát triển bền vững; còn tồn tại khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực hiện. Vẫn còn tư tưởng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, phát triển sản xuất chưa quan tâm đến công tác BVMT, quan điểm không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để.

3.2.2. Hệ thống chính sách, pháp luật vẫn còn nhiều bất cập

Theo thống kê của Bộ Tư pháp, có khoảng 300 văn bản pháp luật về BVMT để điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế, các quy trình kỹ thuật, quy trình sử dụng nguyên liệu trong sản xuất. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết, tính ổn định không cao, tình trạng

văn bản mới được ban hành chưa lâu đã phải sửa đổi, bổ sung là khá phổ biến, từ đó làm hạn chế hiệu quả điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế... [7]. Thiếu các cơ chế về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra, giải quyết tranh chấp, xung đột về môi trường. Các cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường vừa thiếu, vừa chưa đủ mạnh, dẫn đến hạn chế tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi xâm hại môi trường.

Việc áp dụng các công cụ kinh tế trong thời gian qua chưa mang lại hiệu quả cao, mới chỉ góp phần tăng nguồn thu ngân sách (năm 2021, thu từ thuế BVMT ước tính chiếm khoảng hơn 4% tổng thu ngân sách nhà nước) mà chưa góp phần hữu hiệu trong việc điều chỉnh, thay đổi các hành vi theo hướng có lợi cho môi trường.

3.2.3. Đầu tư từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực trong xã hội còn hạn chế

Nguồn lực tài chính cho BVMT cả từ ngân sách nhà nước và vốn đầu tư từ các chương trình, dự án chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt đối với một số dự án có vốn đầu tư lớn về hạ tầng kỹ thuật xử lý CTR; xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường tại các lưu vực sông, khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Cơ chế huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa BVMT không theo kịp yêu cầu BVMT trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hiện nay. Các chính sách huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách (như thúc đẩy đối tác công tư - PPP trong lĩnh vực BVMT) thiếu tính đột phá, chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xử lý ô nhiễm môi trường.

3.2.4. Đóng góp của khoa học và công nghệ cho BVMT còn nhiều hạn chế

Thị trường công nghệ môi trường chậm được hình thành, hoạt động nghiên cứu khoa học và

triển khai ứng dụng công nghệ trong BVMT còn hạn chế, chưa hiệu quả. Doanh nghiệp công nghệ môi trường ở Việt Nam chưa thực sự gắn liền với sự phát triển nghiên cứu khoa học, cũng như những thành tựu khoa học công nghệ đạt được trong và ngoài nước.

Năng lực, trình độ công nghệ BVMT còn lạc hậu, chưa đáp ứng được với yêu cầu của thực tế do vậy chưa có những đóng góp mang tính đột phá. Công nghệ xử lý môi trường chậm được thẩm định, đánh giá và hướng dẫn áp dụng (ví dụ các công nghệ xử lý CTR nông thôn, các lò đốt rác thủ công hoặc chôn lấp chất thải, xử lý chất thải chăn nuôi, bao bì thuốc BVTV...).

3.2.5. Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường còn thấp

Trách nhiệm BVMT của doanh nghiệp là yếu tố vừa ràng buộc, vừa là tự ý thức thực hiện trong quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những đóng góp của doanh nghiệp trong xử lý chất thải, xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải và BVMT ở vùng nông thôn còn rất khiêm tốn...

Trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh, bên cạnh những đóng góp về kinh tế của doanh nghiệp, còn không ít doanh nghiệp có nhiều hoạt động ảnh hưởng đến môi trường, như hệ thống xử lý nước thải còn quá kém, việc khai thác nguyên liệu thiếu bền vững, vận chuyển vật liệu gây nguy hại đến tài nguyên và môi trường, làm hư hỏng hạ tầng, ô nhiễm khói bụi, sản xuất không có các giải pháp phòng ngừa ô nhiễm.

3.2.6. Ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường còn hạn chế

Các thói quen xấu như: vứt các chất thải, đặc biệt là bao bì thuốc bảo vệ thực vật, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước; nhiều gia đình vẫn vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi, tạo thành những bãi rác tự phát còn khá phổ biến. Thái độ, hành vi, lối sống, thói quen tiêu dùng thiếu thân thiện với

môi trường, còn phổ biến ở nhiều nơi, như: săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã...

Ý thức chấp hành Luật BVMT và giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ sản xuất kinh doanh, nhất là các hộ sản xuất kinh doanh thuộc các làng nghề còn kém, chưa chủ động, tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ BVMT.

3.3. Một số khuyến nghị về giải pháp

Một là, tăng cường năng lực quản lý nhà nước về BVMT các cấp

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về BVMT các cấp, đặc biệt cấp huyện và cấp xã, ưu tiên đầu tư và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về BVMT (đặc biệt là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát) từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu, tránh tình trạng buông lỏng quản lý.

Hai là, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và pháp luật về BVMT

Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và pháp luật theo hướng giải quyết được các chồng chéo, phù hợp với tình hình thực tế. Xây dựng và phát huy hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường phù hợp và tiếp cận được các thông lệ quốc tế.

Ba là, giải pháp về nguồn lực và các công cụ tài chính phù hợp

Đẩy mạnh đầu tư mạnh mẽ cho công tác nghiên cứu phát triển khoa học - công nghệ tiên tiến ứng dụng hiệu quả, như công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, công nghệ ít chất thải, công nghệ tái chế chất thải, các công nghệ sản xuất sạch trong chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm...

Có giải pháp đột phá về đầu tư và đa dạng hóa nguồn tài chính cho BVMT. Có cơ chế đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong xử lý CTR và các dự án BVMT; hỗ trợ cho việc phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải.

Áp dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền để xử lý ô nhiễm”, đặc biệt là trong sản xuất công nghiệp. Hình thành các khoản thu bắt buộc và các khoản thu tự nguyện bảo đảm nguồn thu cho các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Bốn là, đẩy mạnh công tác truyền truyền và giáo dục môi trường

Xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo và giáo dục môi trường trong hệ thống giáo dục phổ thông. Xây dựng mô hình truyền thông, giáo dục BVMT, nêu gương, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay tạo chuyển biến tích cực trong toàn xã hội.

4. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, nội dung BVMT nông thôn đã được quan tâm, cụ thể hóa trong các văn bản nghị quyết của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ những bất cập và tạo áp lực lớn đối với môi trường sinh thái nói chung và môi trường nông thôn nói riêng. Những vấn đề này cản trở mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. BVMT không đơn thuần chỉ là thu gom, xử lý chất thải, cải tạo và phục hồi môi trường (biện pháp xử lý cuối đường ống), mà còn phải chuyển đổi mô hình sản xuất, thay đổi hành vi, lối sống để từng bước nâng cao chất lượng môi trường.

Chìa khóa để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở nông thôn đó là sự đoàn kết, hợp tác của cả 3 bên: chính quyền - doanh nghiệp - người nông dân trong việc thực thi đồng bộ các giải pháp; trong đó chú trọng nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước, hoàn thiện thể chế về quản lý môi trường, có giải pháp đột phá trong huy động nguồn lực và công cụ tài chính cho BVMT, xây dựng nông thôn mới bền vững, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và hành vi của mọi người đối với công tác BVMT nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ TN&MT (2021). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020*.
2. Nam Phong (2023). *Đẩy mạnh xử lý rác thải sinh hoạt ở nông thôn*. <https://nhandan.vn/day-manh-xu-ly-rac-thai-sinh-hoat...> truy cập ngày 20/6/2024.
3. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2023). *Xử lý "vấn nạn" ô nhiễm môi trường làng nghề, hướng tới phát triển làng nghề xanh, sạch* <https://dangcongsan.vn/xay-dung-xa-hoi-an-toan-truoc-thien-tai/xu-ly-van-nan-o-nhiem-moi-truong-lang-nghe-huong-toi-phat-trien-lang-nghe-xanh-sach-646332.html>, truy cập ngày 21/6/2024.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023). *Quyết định số 2357/QĐ-BNN-KL ngày 14 tháng 6 năm 2023 công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2022*.
5. Đức Nhật (2024). *Trong năm 2023, cả nước xảy ra 310 vụ cháy rừng*. <https://thanhnien.vn/trong-nam-2023-ca-nuoc-xay-ra-310-vu-chay-rung-185240505190641751.htm>, truy cập ngày 21/6/2024.
6. Báo TN&MT (2022). *Suy giảm đa dạng sinh học tại Việt Nam đang tăng theo thời gian*, <https://baotainguyenmoitruong.vn>, truy cập ngày 21/6/2024.
7. Phúc Anh (2016). *Nhiều bất cập trong quản lý chất lượng nguồn nước*. truy cập từ <http://dwrn.gov.vn> > Nhiều-bat-cap-trong-quan-ly-chat-..., truy cập ngày 21/6/2024.
8. Hội nông dân Việt Nam (2022). *Mỗi năm nước ta suy giảm khoảng 2.500ha rừng*; <http://hoinongdan.org.vn> > sitepages > news > moi-nam..., cập nhật 26/02/2023.
9. Lâm Hà (2022). *Diện tích rừng ngập mặn ở Việt Nam đang bị thu hẹp nghiêm trọng*. <https://quanly.moitruongvadothi.vn/30/24450/Dien-tich-rung-ngap-man-o-Viet-Nam-dang-bi-thu-hep-nghiem-trong.aspx>, truy cập ngày 21/6/2024.
10. Thu Hòa (2021). *Chung tay bảo vệ, tái sinh rừng ngập mặn*. <https://consosukien.vn/chung-tay-ba-o-ve-ta-i-sinh-ru-ng-nga-p-ma-n.htm>, truy cập ngày 21/6/2024.
11. Tổng cục Khí tượng Thủy văn (2021). *8 vấn đề môi trường cấp thiết cần được ưu tiên giải quyết?* <http://vmha.gov.vn> > 8-van-de-moi-truong-cap-thiet-ca..., truy cập ngày 21/6/2024.
12. Tổng cục Thống kê (2021). *Khôi phục rừng: con đường dẫn tới khôi phục kinh tế và hạnh phúc*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/05/khoi-phuc-rung-con-duong-dan-toi-khoi-phuc-kinh-te-va-hanh-phuc/>, truy cập ngày 21/6/2024.
13. Mai Mạnh (2017). *Ô nhiễm môi trường biển: 80% lượng rác có nguồn gốc từ đất liền*. https://www.vietnamplus.vn/o-nhiem-moi-truong-bien-80-luong-rac-co-nguon-goc-tu-dat-lien-post457753.vnp#google_vignette truy cập ngày 21/6/2024.
14. Môi trường và đô thị; <https://quanly.moitruongvadothi.vn> > Nuoc-ta-co-28-tinh, thành phố trực thuộc trung ương có biển...; truy cập ngày 21/6/2024.
15. Trung tâm Truyền thông TNMT (2022). *Tác động của xâm nhập mặn ở ĐBSCL tới đời sống, xã hội, môi trường khu vực ĐBSCL và khu vực phía Nam*. <https://tainguyenmoitruong.gov.vn/linh-vuc-chuyen-nganh/tai-nguyen-nuoc/202210/tac-dong-cua-xam-nhap-man-o-dbscl-toi-doi-song-xa-hoi-moi-truong-khu-vuc-dbscl-va-khu-vuc-phia-nam-367269D/>, truy cập ngày 21/6/2024
16. Tạp chí Con số & Sự kiện (2020). *Vấn nạn cháy rừng ở Việt Nam*. <https://consosukien.vn/van-nan-chay-rung-o-viet-nam.htm>, truy cập ngày 21/6/2024.
17. Efd-Vietnam (2020). *Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) năm 2020*. <http://efd.vn>, truy cập ngày 21/6/2024.
18. Thu Hòa (2020). *Rác thải nông thôn - Thực trạng và định hướng quản lý*; truy cập từ: *Tạp chí Con số & Sự kiện*; <https://consosukien.vn/rac-tha-i-nong-thon-thu-c-tra-ng-va-di-nh-huong-qua-n-ly.htm>; truy cập ngày 21/6/2024.
19. Kim Chiến (2022). *Bắc Ninh: Tìm giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường ở làng nghề Mẫn Xá*. <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/bac-ninh-tim-giai-phap-khac-phuc-o-nhiem-moi-truong-o-lang-nghe-man-xa-606851.html>, truy cập ngày 21/6/2024.
20. Vũ Dung & Thanh Tâm (2017). *Nước thải môi trường làng nghề: Giải pháp nào?* <https://baotainguyenmoitruong.vn/nuoc-thai-moi-truong-lang-nghe-giai-phap-nao-247514.html>, truy cập ngày 21/6/2024.
21. Lê Thị Hồng (2020). *Vấn nạn cháy rừng ở Việt Nam*. <https://consosukien.vn/van-nan-chay-rung-o-viet-nam.htm>, truy cập ngày 21/6/2024.

Thông tin tác giả:

Trần Ngọc Ngoạn - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: ngoantrandnv@yahoo.com; Điện thoại: 0913237204

Nhật kí tòa soạn:

Ngày nhận bài: 01/08/2024
Biên tập: 09/2024